TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/HS-ST
Ngày 23-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Giang;

Ông Đoàn Khánh Vận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2026/HSST ngày 09 tháng 06 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Giàng A S, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2007, tại xã N, tỉnh Lào Cai

Căn cước công dân số: 015207010059, cấp ngày 26/4/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A Q và bà Chang Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 03 năm 2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lào Cai; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Giàng A S: Ông Trần Ngọc H – Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Tổ 2, đường Trần Huy Liệu, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai; có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Thào A L, sinh năm 2004

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai; vắng mặt

+ Anh Vàng A S1, sinh năm 1988 và chị Mùa Thị C1, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai; anh S1, chị C1 đều vắng mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Anh Giàng A T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn L, xã M, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

* Những người tham gia tố tụng khác:

- Người chứng kiến: Anh Vàng A S2, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng A T – Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Tân Hợp, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21 tháng 03 năm 2026, anh Vàng A S2 đến cơ quan Công an xã T, tỉnh Lào Cai trình báo về việc bị mất trộm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 21FA-101.79.

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 19/3/2026, Giàng A S đi bộ từ nhà đến quán tạp hoá của gia đình ông Giàng A G ở cùng thôn chơi. Khi đến nơi, S nhìn thấy tại sân quán nhà ông G có anh Thào A L (tên thường gọi là K) ở cùng thôn với S đang ngủ trong tư thế hai chân đứng dưới đất, đầu gục vào yên xe máy loại xe Win, dưới đất gần vị trí bánh sau xe máy có 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS max, màu vàng (điện thoại L làm rơi). Lúc này, quán nhà ông G đã đóng cửa, không có khách. Quan sát xung quanh thấy không có người, Giàng A S nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại di động của L để sử dụng. S đi đến nhặt chiếc điện thoại cất vào túi quần và đi bộ đến Nhà văn hoá thôn B. Tại đây, Giàng A S bỏ chiếc điện thoại ra để sử dụng, nhưng không mở được do có mật khẩu, nên S cất điện thoại vào túi quần rồi đi về nhà.

Trên đường về nhà, khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đi qua nhà anh Vàng A S (trú cùng thôn), Giàng A S thấy nhà anh S1 đã tắt điện đi ngủ, cửa cổng không khoá trong sân có để ba chiếc xe máy. Quan sát xung quanh không có người, S liền mở cổng đi vào sân nhà anh S2 thì nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 21FA - 101.79 vẫn cắm chìa khoá ở ổ khoá điện, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Giàng A S đi đến dắt chiếc xe mô tô ra Nhà văn hoá thôn B, xã T rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi lên xã M, tỉnh Lào Cai chơi. Đến khoảng 09 giờ ngày 20/3/2026, S điều khiển xe mô tô đi về nhà, khi về đến thôn B, xã T do sợ mọi người phát hiện, nên S ở lại thôn B chơi chờ trời tối. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, S điều khiển xe đi từ thôn B về nhà, khi về đến khu vực sân bóng thôn T, xã T, S dựng xe ở ven đường bê tông và rút chìa khoá điện cất vào túi quần rồi đi bộ theo đường bờ ruộng về nhà.

Ngay sau đó, Tổ An ninh trật tự thôn BT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tuần tra bảo đảm an ninh trật tự đã phát hiện và tạm giữ chiếc xe mô tô Giàng A S trộm cắp để ở ven đường.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 20/3/2026, S đi đến khu vực Nhà văn hoá thôn B thì gặp tổ An ninh trật tự thôn B và được mời về làm việc. Quá trình làm việc Giàng A S đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Thào A L và anh Vàng A S1, đồng thời giao nộp 01 (một) chìa khoá điện của xe mô tô, cùng 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS max, màu vàng.

Tổ an ninh trật tự thôn B đã báo cáo sự việc và bàn giao toàn bộ vật chứng đã thu giữ, tạm giữ cho Công an xã T, tỉnh Lào Cai giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Giàng A S còn khai nhận: Trước đó, vào khoảng 02 giờ ngày 18/3/2026, trên đường đi chơi về Giàng A S nhìn thấy nhà ông Giàng A T (trú cùng thôn) đã tắt điện đi ngủ, cửa nhà không khóa, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Quan sát xung quanh không có ai, S mở cửa đi vào trong nhà thì thấy ông Giàng A T và anh Giàng A T1 đang nằm ngủ cùng nhau trên chiếc giường kê ở gần cửa chính, phía cuối giường có hai chiếc điện thoại di động đang cắm sạc điện. S đi đến cuối giường dùng tay rút dây sạc điện đang cắm ở chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen của anh Giàng A T và cho chiếc điện thoại vào túi quần của mình rồi đi về nhà. Khi về đến nhà, S bỏ chiếc điện thoại vừa lấy trộm được ra sử dụng nhưng không mở được do có mật khẩu, S cất điện thoại rồi nằm ngủ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, do sợ người khác phát hiện ra hành vi trộm cắp của mình, S đã tắt nguồn và mang chiếc điện thoại này cất giấu ở ven đồi cây quế cạnh đường đi vào nhà. Đến ngày 19/3/2026 S ra tìm chiếc điện thoại đã cất giấu nhưng không thấy, không biết ai đã lấy chiếc điện thoại này.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu đen mà Giàng A S trộm cắp của anh Giàng A T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 24/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã T, tỉnh Lào Cai kết luận:

"- Giá bán chiếc xe mô tô: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA; loại Wave RSX; Màu sơn: Đỏ - Đen; Số máy: JA53E0037417; Số khung: RLHJA3888RY014708; Dung tích: 109.2 cm^3 Gắn biển số: 21FA-101.79; Xe đã qua sử dụng, bị trầy xước sơn một số vị trí; Thời điểm định giá ngày 19/3/2026 có giá trị là 15.300.000 đồng;

- Giá bán chiếc điện thoại: 01 (Một) điện thoại Iphone loại XS Max, màu Vàng (gold) số seri F2LXN596KPHF; Số IME1 357278096444451; Số IME2 357278096538617; điện thoại đã qua sử dụng; Thời điểm định giá ngày 19/3/2026 có giá trị là 4.300.000 đồng."

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xã T, tỉnh Lào Cai kết luận:

"01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO S1, RAM 8G, màu đen, đã qua sử dụng; Thời điểm định giá ngày 18/3/2026 có giá trị là 680.000đồng".

Về vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS max, màu vàng; 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu

sơn đỏ - đen, biển số 21FA - 101.79 và 01 (một) chìa khoá điện của xe. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Thào A L; anh Vàng A S và chị Mùa Thị C đã nhận lại tài sản của mình và không yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường dân sự; anh Giàng A T không yêu cầu bị cáo Giàng A S phải bồi thường thiệt hại.

Cáo trạng số 28/CT-VKSLCI-KV ngày 09 tháng 06 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai truy tố: Giàng A S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Giàng A S phạm tội "Trộm cắp tài sản"; về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Giàng A S từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Giàng A S không có tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và nguyên đơn dân sự không có yêu cầu đề nghị gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Giàng A S là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Giàng A S sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, có quan điểm: Bị cáo Giàng A S bị xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Giàng A S mức hình phạt 01 năm tù.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Giàng A S là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Giàng A S nhất trí với bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và không có ý kiến gì thêm.

Bị cáo Giàng A S không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị hại, nguyên đơn dân sự, người chứng kiến vắng mặt. Xét thấy những người này vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với bản tự khai và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, nguyên đơn dân sự và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự chủ quan, mất cảnh giác trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, ngày 19/3/2026, bị cáo Giàng A S đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai, mục đích để sử dụng làm phương tiện đi lại, liên lạc cho bản thân, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 19.600.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 19/3/2026 Giàng A S đến khu vực quán tạp hoá của gia đình ông Giàng A G ở thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai trộm cắp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại XS max, màu vàng, trị giá 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) của anh Thào A L.

Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 19/3/2026, Giàng A S đã vào nhà anh Vàng A S1, ở thôn B, xã T, tỉnh Lào Cai trộm cắp 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển số 21FA - 101.79, trị giá 15.300.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của Giàng A S đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo

vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền án; tiền sự.

Bị cáo Giàng A S nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần áp dụng với bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 18/3/2026 của Giàng A S: Do giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên hành vi của Giàng A S đã vi phạm điểm a, khoản 1 Điều 18 Nghị định số 282/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng chống bạo lực gia đình. Ngày 15/5/2026 Công an xã T, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0000493/QĐ-XPHC đối với Giàng A S là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Thào A L; anh Vàng A S1 và chị Mùa Thị C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; nguyên đơn dân sự anh Giàng A T cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS max, màu vàng; 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu sơn đỏ - đen, biển số 21FA - 101.79 và 01 (một) chìa khoá điện của xe. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Những nội dung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị nào của người bào chữa tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[12] Bị cáo; bị hại, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng A S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Giàng A S 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26 tháng 03 năm 2026.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Giàng A S được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo (về phần bồi thường thiệt hại) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3- Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT, CQTHAHS, HS-NV Công an

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

tỉnh Lào Cai;
- Phòng THA Dân sự khu vực 3, tỉnh Lào Cai;
- Bị cáo (Trại);
- Bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, TA.

Nguyễn Thị Hương